TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Bà Trần Thị Hồng Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2024 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số E, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số E, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/8/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, chơi đánh bạc, sử dụng chất cấm dẫn đến nợ nần và cũng đã bị Tòa án xử phạt 02 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bà cũng đã động viện, khuyên can để ông B sửa đổi, tu chí làm ăn nhưng ông B không nghe và nhiều lần có hành vi bạo lực với bà. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng

đã trầm trọng kéo dài nhiều năm, hôn nhân không hạnh phúc và bà cũng không còn tình cảm với ông B. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Hiên nay bà đang kinh doanh nhà trọ Ninh Bình, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày 26/10/2014 và Nguyễn Trần Thảo N1, sinh ngày 11/6/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cả cháu N và cháu N1 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Giao con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày 26/10/2014 và Nguyễn Trần Thảo N1, sinh ngày 11/6/2019 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/8/2014. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông B là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà H khởi kiện ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng bà H, ông B phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông B không chịu khó làm ăn để phát triển kinh tế gia đình.

Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách để cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B để tiến hành hòa giải nhằm để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ông B vắng mặt không có lý do, bỏ mặc việc ly hôn của bà H, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân này.

Do quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H và ông B được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B có hai con chung là Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày 26/10/2014 và Nguyễn Trần Thảo N1, sinh ngày 11/6/2019. Bà H yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, qua xác minh tại địa phương được biết, các con chung hiện nay đang ở ổn định với bà H. Trong khi đó, theo "Đơn xin xác nhận thu nhập" ngày 23/7/2024 của bà H được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L xác nhận, thể hiện bà H có công việc kinh doanh nhà trọ ổn định, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng; trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không trình bày nguyện vọng về việc nuôi con chung; cháu N có đơn trình bày nguyện vọng được sống với mẹ; mặt khác, cháu N và cháu N1 là nữ. Do đó, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu, nên cần giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng thấy rằng: Bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; ông B không trực tiếp chăm sóc các con chung, nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của các con chung. Do đó, căn cứ các Điều 82, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà H, buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thu H xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi đó ông B vắng mặt không trình bày về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của bà Trần Thị Thu H, xử cho bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày 26/10/2014 và Nguyễn Trần Thảo N1, sinh ngày 11/6/2019 cho bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004880 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Lâm Hà;
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã An Tường;
- Lưu AV – HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Minh Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Ngọc Diện – Nguyễn Thái Duy	**Phạm Phước Minh Phong**